

Số: 17/2019/QĐST- HNGĐ

C, ngày 29 tháng 01 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án **hôn nhân gia đình** thụ lý số **227/2018/TLST- HNGĐ** ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Trần Thị L** – Sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* **Lê Việt A** – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Trần Thị L** – Sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Anh **Lê Việt A** – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 14, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Lê Việt A.

- **Về việc nuôi con chung:** Khi ly hôn, chị Trần Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Trần Nguyên (sinh ngày 04/07/2011) cho đến khi đủ 18 tuổi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:** Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị L và anh Lê Việt A mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn. Nhưng **chị L** đã tự nguyện chịu thay tiền án phí cho **anh Việt A**. Tổng số tiền án phí **chị L** phải chịu là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **chị L** đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0000290 ngày 20/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố C. Xác nhận **chị L** đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm và còn được hoàn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường S, thành phố C;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hoài Phương